

ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐỒN ĐIỀN CAO SU Ở ĐÔNG DƯƠNG CỦA CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH PHÁP TRONG 30 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX: TRƯỜNG HỢP CÔNG TY TÀI CHÍNH CAO SU

TRẦN XUÂN TRÍ*

Đồn điền cao su ở Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thời thuộc địa đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà sử học Việt Nam. Một số công trình chuyên khảo đã được công bố, như Nguyễn Hải Trường (1955) (1) Nguyễn Phong (1963) (2), Đặng Văn Vinh (2000) (3) và mới đây là công trình *Lịch sử cao su Việt Nam* (2021) (4). Ở Pháp, một số nhà sử học cũng đã tập trung nghiên cứu về vấn đề này, như Marianne Bourcheret (2008) (5), Éric Panthou (2013) (6)... Các công trình nghiên cứu trên, nhất là các nghiên cứu của các nhà sử học Việt Nam chủ yếu tập trung đề cập đến quá trình cướp đất lập đồn điền, di dân và bóc lột lao động bản xứ của tư bản Pháp và sự phát triển diện tích đồn điền, xuất khẩu cao su của Đông Dương. Sự đầu tư vốn của các công ty chính quốc ở Đông Dương, đặc biệt là các công ty tài chính, ngân hàng của Pháp đã được đề cập trong một số nghiên cứu của Marc Meuleau (1990) (7), Jean Pierre Aumiphin (1996) (8),... Các công trình này chủ yếu tập trung đề cập tới đầu tư và vai trò của Ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine), mà chưa đề cập tới các công ty tài chính và ngân hàng khác, nhất là Công ty Tài chính cao su (Société financière des Caoutchoucs) - một liên

minh tài chính quốc tế có những hoạt động đầu tư và vai trò quan trọng trong lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương.

Cho tới hiện nay (năm 2025), trải qua 116 năm, Công ty Tài chính cao su vẫn còn tồn tại và hoạt động. Do có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài như vậy, nên nghiên cứu này chỉ tập trung phân tích làm rõ quá trình thành lập, đầu tư, khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương của Công ty Tài chính cao su trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Đây là giai đoạn khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương có sự phát triển mạnh nhất trong thời kỳ thuộc địa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần làm rõ tác động, vai trò của Công ty Tài chính cao su nói riêng và các công ty tài chính, ngân hàng chính quốc Pháp nói chung đối với công cuộc thuộc địa hóa trong lĩnh vực nông nghiệp ở Đông Dương thời thuộc địa. Hoạt động đầu tư, khai thác đồn điền cao su của công ty này ở giai đoạn sau và các vấn đề khác sẽ được đề cập trong nghiên cứu tiếp theo.

1. Các yếu tố tác động tới sự đầu tư của các công ty tài chính Pháp vào khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương

Từ cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là trong những năm đầu thế kỷ XX, sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp, nhất là

*TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

công nghiệp ô tô và công nghiệp cao su ở Mỹ và các nước châu Âu, đã khiến nhu cầu cao su trên thế giới không ngừng tăng nhanh. Để đáp ứng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp, các nước tư bản thực dân phương Tây đã tìm cách trồng thử nghiệm và phát triển đồn điền cao su ở các xứ thuộc địa của mình. Vào cuối thế kỷ XIX, Anh, Pháp và Hà Lan là ba quốc gia đi đầu trong việc thử nghiệm và thiết lập các đồn điền cao su ở khu vực Đông Nam Á: Malaysia, Indonesia và Việt Nam (9). Chính điều này đã tạo cơ sở đầu tiên cho sự đầu tư vốn của tư bản Pháp, nhất là các công ty tài chính chính quốc Pháp vào lĩnh vực đồn điền cao su ở Đông Nam Á nói chung và Đông Dương nói riêng.

Trên bán đảo Đông Dương, đặc biệt là ở Nam Kỳ, Nam Trung Kỳ (Việt Nam) và vùng Đông Bắc của Campuchia, có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển các đồn điền cao su, nhất là điều kiện khí hậu và đất đai. Điều kiện khí hậu ở vùng Nam Đông Dương (Nam Kỳ và Campuchia), không quá nóng, cũng không quá lạnh, nhiệt độ trung bình năm vào khoảng 27°C, rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây cao su. Đặc biệt, ở miền Đông Nam Kỳ và khu vực phía Đông Campuchia có diện tích đất đỏ rộng lớn. Đây là loại đất tơi, xốp, màu mỡ và có độ thấm nước tốt, rất thích hợp để mở các đồn điền trồng cao su, đặc biệt là các đại điền. Với điều kiện đất đai thuận lợi, Nam Kỳ được ví như “Ai Cập ở Đông Dương” (10), là điều kiện trở thành một xứ nông nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chính quốc Pháp. Ở Nam Kỳ có khoảng 500.000ha đất có thể trồng được cao su, trong đó có 50.000ha đất đỏ ở miền Đông Nam Kỳ, còn lại là đất nâu xám cũng rất thuận lợi cho trồng cao su: “Đất đỏ và đất nâu xám ở các tỉnh miền Đông Nam Kỳ rất màu mỡ, các

đồn điền cao su của người Âu tập trung phát triển ở vùng này” (11).

Trong hơn hai thập niên đầu thế kỷ XX, sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế ở Mỹ và châu Âu đã dẫn tới nhu cầu nguyên liệu cao su tăng nhanh trên thị trường thế giới. Cầu vượt quá cung khiến giá cao su trên thị trường quốc tế tăng lên nhanh chóng, đặc biệt tăng vọt vào các năm 1909, 1925 và 1926. Năm 1925, sản xuất cao su thế giới đạt gần 525.000 tấn, trong khi tiêu thụ đạt 560.000 tấn. Cầu cao hơn nguồn cung 36.000 tấn (12). Năm 1926, giá cao su đạt đỉnh cao nhất chưa từng được ghi nhận trong lịch sử thị trường cao su thế giới, với 33,46 francs một ki-lô-gam, trong khi đó năm 1919 chỉ là 7,34 francs (13). Cao su được ví như “vàng xanh”, nhựa cao su được coi là “vàng trắng”, vì nó mang lại những nguồn lợi nhuận khổng lồ cho điền chủ và các nhà kinh doanh cao su. Đây là một trong những động lực thu hút sự quan tâm đầu tư của các công ty tài chính chính quốc Pháp vào khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương: “Sự bùng nổ của giá cao su đã làm hoa mắt giới tư bản Pháp (...), hầu hết các công ty đồn điền mới, được thành lập ở Nam Kỳ hoặc Campuchia dưới tác động của sự tăng giá cao su lần thứ hai vào giữa những năm 1920” (14).

Một yếu tố khác tạo động lực để các công ty tài chính Pháp đầu tư vào lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương là do sự mất giá của đồng franc so với đồng bạc Đông Dương (piastre) và các loại tiền khác trên thế giới. Trước năm 1924, theo tỷ giá trao đổi, một đồng bạc Đông Dương tương đương 4 francs. Tuy nhiên, trong năm 1924 và 1925, một đồng bạc Đông Dương tương đương 12 francs, một bảng Anh tương đương 210 francs và một đô la tương đương 15,2 francs. Vào cuối năm 1925, đồng franc tiếp tục mất giá: 18 francs mới đổi được

một đồng bạc Đông Dương. Trước sự mất giá của đồng franc, Chính phủ và các công ty tài chính Pháp tìm cách ổn định thị trường tiền tệ chính quốc bằng cách kêu gọi đầu tư vào thuộc địa. Đông Dương trở thành nơi trú ngụ an toàn và lý tưởng cho các nhà đầu tư Pháp.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho tư bản và các công ty tài chính Pháp vào lĩnh vực đồn điền cao su ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa Pháp đã ban hành nhiều chính sách thuận lợi như: cấp đất nhượng miễn phí, miễn thuế đất trong 6 năm đầu tiên, tạo điều kiện cho nhập khẩu lao động từ Java, Trung Quốc và di dân lao động từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ tới Nam Kỳ và Campuchia để phục vụ khai thác đồn điền cao su. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thu hút sự đầu tư của các công ty tài chính chính quốc vào lĩnh vực đồn điền cao su ở Đông Dương.

Trên thực tế, từ năm 1924 đến năm 1930, tư bản Pháp đã đầu tư vào Đông Dương 3,815,4 tỷ francs, trong đó đầu tư vào các lĩnh vực liên quan tới nông nghiệp, bất động sản (phần lớn là đất nhượng lập đồn điền và ngân hàng (chủ yếu là phục vụ nông nghiệp) chiếm 53% tổng số vốn. Trong khi đó, trong vòng 30 năm, từ 1888 đến 1918, vốn đầu tư vào Đông Dương chỉ là 492 triệu francs (15). Trong giai đoạn 1926 - 1930, riêng lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Nam Kỳ đã thu hút hơn một tỷ francs đầu tư của tư bản Pháp (16). Cao su Đông Dương trở thành một biểu tượng đầu tư của tư bản và các công ty tài chính Pháp. Trong số này có Công ty Tài chính cao su.

2. Sự ra đời của Công ty Tài chính cao su

Công ty Tài chính cao su thành lập năm 1909, là công ty liên quốc gia, đặc biệt là sự liên hiệp giữa các nhà tài chính của Pháp

và Bỉ. Công ty này còn được gọi là nhóm tài chính Pháp - Bỉ hay nhóm Rivaud - Hallet, để chỉ vai trò của hai ngân hàng trụ cột là Ngân hàng Rivaud (của Pháp) và Ngân hàng Hallet (của Bỉ).

Về nguồn gốc của Công ty Tài chính cao su, vào năm 1904, Công ty Bunge - một trong những công ty tài chính hùng mạnh nhất ở Anvers (Bỉ) đã thỏa thuận với Ngân hàng Liên hiệp Paris và Liên hiệp tài chính Geneva cùng nhiều nhà tài phiệt khác thành lập ra “Nghịệp đoàn Đồn điền cao su” nhằm tập trung nghiên cứu, kinh doanh các lĩnh vực khác nhau có liên quan tới cao su. Từ năm 1904 đến năm 1908, Nghịệp đoàn Đồn điền cao su đã tổ chức thu thập, nghiên cứu tài liệu, cử người đến Malaysia, Indonesia để nghiên cứu phát triển đồn điền cao su. Năm 1909, trước sự gia tăng mạnh mẽ của giá cao su trên thị trường thế giới, Ban Giám đốc Nghịệp đoàn Đồn điền cao su đã quyết định thành lập một tổ chức mới để mở rộng lĩnh vực hoạt động, tập trung huy động vốn đầu tư vào khai thác đồn điền cao su ở các khu vực trên thế giới, như ở châu Phi, đặc biệt là ở Đông Nam Á. Ngày 8-7-1909, tại Bỉ, trên cơ sở Nghịệp đoàn Đồn điền cao su, Công ty Tài chính cao su chính thức được thành lập. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty gồm các nhà sáng lập Nghịệp đoàn Đồn điền cao su, trong đó có Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Bỉ, Vua xứ Công-gô thuộc Bỉ và các cổ đông góp vốn mới (17).

“Công ty Tài chính cao su được thành lập vào năm 1909, là một phần không thể thiếu của một tập đoàn quốc tế thực sự với sự góp vốn của người Pháp và người Bỉ (...). Nó được kiểm soát bởi Ngân hàng Rivaud-Lebel, một ngân hàng quan trọng ở Paris, chuyên đầu tư vào lĩnh vực cao su và các vấn đề thuộc địa” (18).

Ngay sau khi thành lập, Công ty Tài chính cao su tham gia sáng lập Quỹ Tín thác Cao su và Sản xuất quốc tế miền Đông Luân Đôn và cử người tham gia vào Hội đồng quản trị của Quỹ này nhằm đầu tư khai thác đồn điền cao su ở Viễn Đông.

Về vốn điều lệ của Công ty Tài chính cao su, năm 1909, khi mới thành lập, là 10 triệu francs. Đến năm 1912, vốn điều lệ tăng lên 20 triệu francs (19). Từ năm 1920, vốn điều lệ của Công ty Tài chính cao su tiếp tục tăng nhằm tăng cường đầu tư vào thiết lập các công ty và đồn điền cao su ở Nam Kỳ và Campuchia. Tháng 12-1920, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 50 triệu francs, đến tháng 2-1923, tăng lên 75 triệu francs nhờ vào sự góp vốn 25 triệu francs của Ngân hàng Thuộc địa (Banque des Colonies) của nhà Hallet (20).

Về thành phần Hội đồng quản trị, trước năm 1919, Hội đồng quản trị của Công ty Tài chính cao su đa số là thành viên của gia đình Bunge và Grisar, như Ed Bunge (Chủ tịch), Ernest Bunge, Jules Bunge Alfred Grisar, Émile Grisar (thành viên),... Từ năm 1919, các công ty tài chính và ngân hàng của Pháp dần thu tóm phần lớn cổ phần của Công ty Tài chính cao su, như Ngân hàng Công nghiệp Pháp ở Trung Quốc (Banque industrielle de Chine) và Ngân hàng Rivaud-Lebel. Hai ngân hàng này thu tóm và nắm giữ 5/6 cổ phần của công ty (21). Chính vì thế, trụ sở của Công ty chuyển từ Anvers (Bỉ) sang Paris (Pháp). Do sự thay đổi về tỷ lệ góp vốn và nắm giữ cổ phần, nên thành viên Hội đồng quản trị của công ty này cũng có sự thay đổi, André Berthelot - Nghị sĩ vùng Seine (Chủ tịch), các thành viên gồm Pernotte (Tổng Giám đốc của Ngân hàng Công nghiệp Pháp ở Trung Quốc), De Rivaud (Tổng Giám đốc Ngân hàng Rivaud), Beumont (thành viên

Hội đồng quản trị Công ty Radio - Điện của Pháp), Adrien Hallet (nhà tài chính, chuyên gia về đồn điền người Bỉ) (22).

Sự thu tóm cổ phần của các nhà tài chính Pháp trong Công ty Tài chính cao su, một phần đến từ việc mua lại cổ phần, mặt khác do sự góp thêm vốn mới qua mỗi lần công ty này quyết định tăng vốn điều lệ. Ví dụ vào tháng 9-1919, Ngân hàng Rivaud đã rót thêm vào Công ty Tài chính cao su 10 triệu francs để tăng vốn điều lệ lên 30, rồi 40 triệu francs. Một trong số các công ty tài chính quan trọng của Bỉ tham gia góp vốn vào Công ty Tài chính cao su là Ngân hàng Hallet (Banque Hallet) và Công ty Cao su của Bỉ (Compagnie belge de l'Hévéa). Tham gia Hội đồng quản trị và là đại diện hợp pháp của hai công ty này là Adrien Hallet - một kỹ sư nông nghiệp, đồng thời là nhà tài chính, chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong đầu tư khai thác đồn điền cao su ở Đông Nam Á. Hallet là một trong những nhà tài chính nước ngoài đầu tiên (không phải người Pháp) có mặt ở Nam Kỳ để đầu tư khai thác đồn điền cao su. Hallet tới Nam Kỳ vào năm 1908 để nghiên cứu việc mở các đồn điền cao su (23). Năm 1910, Hallet đã thiết lập được các đồn điền Xa Trạch, Quản Lợi, Xa Cam (tỉnh Thủ Dầu Một) và một đồn điền ở Long Thành (tỉnh Biên Hòa). Đây là những đồn điền đầu tiên có sự hiện diện đầu tư của các công ty tài chính nước ngoài, là cơ sở cho sự đầu tư khai thác đồn điền cao su của Công ty Tài chính cao su ở Đông Dương.

3. Quá trình đầu tư khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương của Công ty Tài chính cao su

Sau khi thành lập, năm 1910, Công ty Tài chính cao su bắt đầu đầu tư vào khai thác đồn điền cao su ở Nam Kỳ với việc mua lại đồn điền Xa Trạch của Hallet và cho

thành lập Công ty Đồn điền Xa Trạch. Đây là công ty đồn điền cao su đầu tiên do Công ty Tài chính cao su thành lập ở Đông Dương.

Năm 1911, Công ty Tài chính cao su cho thành lập Công ty Cao su Padang (Compagnie des Caoutchoucs de Padang), với số vốn 5,5 triệu francs. Công ty này tập trung khai thác đồn điền ở Nam Kỳ, Sumatra và Campuchia. Tuy nhiên, phải đến năm 1917, Công ty Cao su Padang mới mở một đồn điền cao su đầu tiên ở Nam Kỳ, đó là đồn điền Phú Hùng, thuộc làng Chánh Phú Hòa, tổng Bình Hưng, tỉnh Thủ Dầu Một (24). Đồn điền này có tổng diện tích là 5.220 ha, đến năm 1930 trồng được 1.053 ha cao su (25), sản lượng đạt 78 tấn (26). Khoảng năm 1928, Công ty Cao su Padang mở đồn điền thứ hai tại tổng Phú Riềng, tỉnh Biên Hòa, với tổng diện tích 4.799 ha.

“Công ty Cao su Padang, ra đời năm 1911 với sự góp vốn của các nhà tài chính ở Brussels, ngoài 3.700 ha cây cao su ở Sumatra, còn sở hữu 1.500 ha ở Đông Dương và sản xuất được 1.890 tấn (gồm cả các đồn điền ở Sumatra) vào năm 1929” (27).

Năm 1923, kinh tế thế giới có sự phục hồi, giá cao su bắt đầu tăng dần một phần do Chính phủ Anh áp dụng kế hoạch Stevenson. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để đầu tư, ngày 2-5-1923, sau khi thỏa thuận với Hallet việc sáp nhập các đồn điền Xa Cam, Quản Lợi và Long Thành vào Công ty Đồn điền Xa Trạch, Công ty Tài chính cao su quyết định, trên cơ sở Công ty Đồn điền Xa Trạch, thành lập Công ty Đồn điền Đất Đỏ (Société des Plantations des Terres Rouges), nhằm mở rộng quy mô khai thác đồn điền ở Đông Dương (28).

“Công ty Đồn điền Đất Đỏ đã tồn tại dưới cái tên này từ năm 1923. Trên thực tế, nó được thành lập vào năm 1910 với tên gọi là Công ty Đồn điền cao su Xa Trạch. Công

ty Đồn điền Đất Đỏ thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su” (29).

Khi mới thành lập, Công ty Đồn điền Đất Đỏ có vốn điều lệ là 36 triệu francs. Theo Marc Meuleau, số vốn sở hữu của Công ty Tài chính cao su trong Công ty Đồn điền Đất Đỏ chiếm 12% vào năm 1923, 25% vào năm 1925 và 35% vào năm 1926. Hallet và các thành viên của gia đình Rivaud trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Đồn điền Đất Đỏ: Olivier de Rivaud là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Năm 1939, Maurice de Rivaud trở thành người kế nhiệm vị trí này, sau cái chết của Olivier de Rivaud (30).

Công ty Đồn điền Đất Đỏ, ngoài sở hữu bốn đồn điền mở trước năm 1925 là Xa Trạch, Xa Cam, Quản Lợi và Long Thành, vào năm 1925 Công ty này còn mua thêm hai đồn điền khác: một đồn điền của Công ty đồn điền Courtenay (Société des Plantations de Courtenay) trong tỉnh Bà Rịa; một đồn điền của Công ty đồn điền cao su Nam Kỳ (Société des plantations d'Hévéas de Cochinchine) ở tỉnh Tây Ninh. Đến năm 1930, Công ty Đồn điền Đất Đỏ sở hữu sáu đồn điền cao su ở Nam Kỳ (31).

Từ năm 1919, Công ty Tài chính cao su bắt đầu đầu tư vốn để mở các đồn điền cao su tại Campuchia. Theo Sắc lệnh ngày 26 tháng 12 năm 1919, Hallet được cấp 18.000ha đất nhượng ở Campuchia để mở đồn điền cao su. Trên cơ sở đó, một số công ty đồn điền được thành lập. Từ năm 1922 đến năm 1926, Công ty Tài chính cao su cho thành lập ba công ty nhằm mở rộng khai thác đồn điền cao su ở Campuchia, gồm: Công ty Campuchia (Compagnie du Cambodge), Công ty đồn điền An Viễn (Société de Plantations d'Anviêng) và Công ty Cao su Mê Kông (Compagnie des Caoutchoucs du Mékong).

Công ty Campuchia được thành lập ngày 14 tháng 12 năm 1922 với số vốn 5 triệu francs (32). Hội đồng quản trị của công ty này gồm Adrien Hallet, Olivier de Rivaud và Comte de Rivaud (33). Công ty Campuchia sở hữu bốn đồn điền gồm: Chrap, Chup, Peam-Cheang và đồn điền Thmar-Pitt. Trong số các đồn điền này, Chup là đồn điền rộng lớn nhất Đông Dương và cũng rộng lớn nhất thế giới, với diện tích 18.000 ha (34): “Một nhóm tài chính người Bỉ, sau trở thành nhóm Pháp - Bỉ, đã thành lập ra một công ty rất lớn dưới tên gọi Công ty Campuchia, công ty này sở hữu một đất nhượng trồng cao su lớn nhất thế giới” (35).

Công ty đồn điền An Viễn được thành lập năm 1925 và được cấp hai khu đất nhượng để mở đồn điền: một ở Krek (Campuchia) rộng 3.751 ha, một tại làng An Lộc, tổng Bình Lâm Thượng, tỉnh Biên

Năm 1926, Công ty Tài chính cao su cho thành lập Công ty Cao su Mê Kông. Việc thành lập công ty này có sự góp vốn từ các ngân hàng lớn khác của Pháp, như Ngân hàng Paris (Banque de Paris), Ngân hàng Pays-Bas, Ngân hàng Pháp - Hoa (Banque Franco-chinoise). Đại diện của Công ty Tài chính cao su là Olivier de Rivaud được chỉ định tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cao su Mê Kông (39). Một năm sau khi thành lập, năm 1927, Công ty này đã mở đồn điền ở Stung - Trang (Campuchia), có diện tích 6.319 ha, từ năm 1927 đến năm 1929 trồng được 2.258 ha cây cao su.

Các công ty cao su ở Đông Dương thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su có Hội đồng quản trị chung và một Ban Tổng giám đốc đặt tại Sài Gòn, số 236 đường Marc Mahon. Các công ty này sở hữu tổng cộng 15 đồn điền, trong đó có 9 đồn điền ở Nam Kỳ và 6 đồn điền ở Campuchia, cụ thể như bảng 1.

Bảng 1: Các công ty, đồn điền cao su ở Nam Kỳ thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su (năm 1930)

Tên công ty, đồn điền			Diện tích (ha)		Sản lượng (tấn)
Tên công ty	Tên đồn điền	Địa điểm	Diện tích tổng	Diện tích trồng	
Công ty Đồn điền Đất Đỏ	Xa Trạch	Thủ Dầu Một	2.949	1.477	530
	Xa Cam	Thủ Dầu Một	4.049	2.992	570
	Quản Lợi	Thủ Dầu Một	8.077	5.978	1.007,8
	Long Thành	Biên Hòa	2.600	1.627	300
	Courtenay	Bà Rịa	4.079	2.054	82
Công ty Cao su Padang	Cochinchine	Biên Hòa	2.471	750	7
	Phú Hùng	Thủ Dầu Một	5.220	1.503	78
	Phú Riêng	Biên Hòa	4.799	0	0
Công ty đồn điền An Viễn	An Viễn	Biên Hòa	6.010	1.600	0
Tổng cộng			40.254	17.981	2.574,8

[Nguồn: Tổng hợp từ các tài liệu: *Annuaire du Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine 1931*, tr.14-29; *Annuaire de toute l'Indochine: Commerce, Industrie, Plantations, Mines*», Imprimerie Albert Portail, 1934, Saigon, tr. 828-1010; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1 Việt Nam, CANV1/DFI/N54/2042, *Prêts accordés aux Sociétés de plantations de caoutchouc de l'Indochine pour l'entretien et l'exploitation en 1932*]

Hòa (Nam Kỳ) rộng 6.010 ha tại (36). Từ năm 1925 đến năm 1929, tại đồn điền An Lộc, Công ty đồn điền An Viễn đã trồng được 1.600 ha cây cao su, sản lượng năm 1930 đạt 2.888 tấn (37). Tại đồn điền Krek, đến năm 1928 đã trồng được 1.296 ha cây cao su (38).

Qua bảng 1 thấy rằng, vào năm 1930, Công ty Tài chính cao su sở hữu ba công ty với chín đồn điền ở Nam Kỳ. Các đồn điền này có tổng diện tích là 40.254 ha, trong đó có 17.981 ha được trồng cao su, sản lượng đạt 2.574,8 tấn. Trong số các công ty đồn điền của Công ty Tài chính cao su ở Nam

Kỳ, Công ty Đồn điền Đất Đỏ được đánh giá là lớn và quan trọng nhất: “Những đồn điền đẹp nhất của gia đình Rivaud ở Đông Dương là những đồn điền của Công ty Đồn điền Đất Đỏ, một khu đất nhượng gần Hòn Quẩn có 9.000 ha cao su được trồng. Ở Đông Dương, người ta thường nói rằng, có hai công ty tài chính mạnh nhất: một công ty thuộc về Octave Homberg và một công ty thuộc về gia đình Rivaud” (40).

Ở Campuchia, vào năm 1930, ba công ty thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su có sáu đồn điền với tổng diện tích là 41.455ha, trong đó có 14.148 ha đã được trồng cao su. Sản lượng cao su của các công ty này chỉ đạt 340 tấn, thấp hơn rất nhiều so với sản lượng của các công ty ở Nam Kỳ, vì toàn bộ đồn điền của các công ty này mới được trồng, chủ yếu sau năm 1925, cụ thể như bảng 2.

Công ty Tài chính cao su sở hữu ở Đông Dương 81.709 ha đồn điền, trong đó có 32.129 ha đã được trồng cao su, sản lượng đạt 2.14,8 tấn.

Ngoài các đồn điền ở Nam Kỳ và Campuchia, Công ty Tài chính cao su còn sở hữu nhiều đồn điền cao su ở Malaysia, Indonesia và ở châu Phi. Marc Meuleau cho biết, vào năm 1929, Công ty Tài chính cao su sở hữu tổng cộng 200.000 ha đồn điền, trong đó có 80.000 ha đã được trồng cao su, sản lượng cao su đạt 10.000 tấn, chiếm 1,5% tổng sản lượng cao su của thế giới (41). Theo Pierre Brocheux, năm 1937, Công ty Tài chính cao su có cổ phần trong 11 công ty đồn điền cao su ở Malaysia, Indonesia và 8 công ty đồn điền ở Trung Phi và Đông Phi (42).

Việc mở rộng kinh doanh đồn điền cao su ở Nam Kỳ và Campuchia đã đem lại

Bảng 2: Các công ty, đồn điền cao su ở Campuchia thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su (năm 1930)

Tên công ty, đồn điền và địa điểm			Diện tích (ha)		Sản lượng
Tên công ty	Tên đồn điền	Địa điểm	Diện tích tổng	Diện tích trồng	
Công ty Campuchia	Chrap	Chrap	2.332	2.332	0
	Chup	Thbaung-Khum	18.000	410	340
	Peam-Cheang	Peam-Cheang	4.880	3.862	0
	Thmar-Pitt	Thmar-Pitt	6.173	3.990	0
Công ty Đồn điền An Viên	Krek	Krek	3.751	1.296	6,5
Công ty Cao su Mê Kông	Stung-Trang	Stung-Trang	6.319	2.258	0
Tổng cộng			41.455	14.148	346,5

Nguồn: Tổng hợp từ các tài liệu, *Annuaire du Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine 1931* và *Annuaire de toute l'Indochine: Commerce, Industrie, Plantations, Mines*.

Vào năm 1930, mặc dù đầu tư khai thác muộn hơn ở Nam Kỳ, nhưng diện tích đồn điền cao su ở Campuchia của các công ty thuộc sở hữu của Công ty Tài chính cao su đạt 41.455 ha, cao hơn diện tích ở Nam Kỳ 1.201 ha. Tuy nhiên, diện tích cao su được trồng và sản lượng cao su ở Campuchia vẫn thấp hơn Nam Kỳ, đặc biệt là sản lượng chỉ đạt 346,5 tấn. Như vậy, vào năm 1930,

cho Công ty Tài chính cao su và các công ty thành viên của nó nguồn lợi nhuận khổng lồ và không ngừng tăng nhanh qua các năm. Lãi ròng của Công ty Tài chính cao su đạt 10,6 triệu francs vào năm 1923 và tăng lên 11,8 triệu francs vào năm 1924 (43). Năm 1925, do sự tăng giá mạnh mẽ của giá cao su trên thị trường thế giới, lãi ròng của công ty tăng đột biến lên 31,2 triệu francs (44).

Tương tự như công ty mẹ, các công ty con, đặc biệt là Công ty Đồn điền Đất Đỏ cũng thu được lợi nhuận lớn từ khai thác đồn điền cao su ở Nam Kỳ, cụ thể các năm như biểu đồ 1.

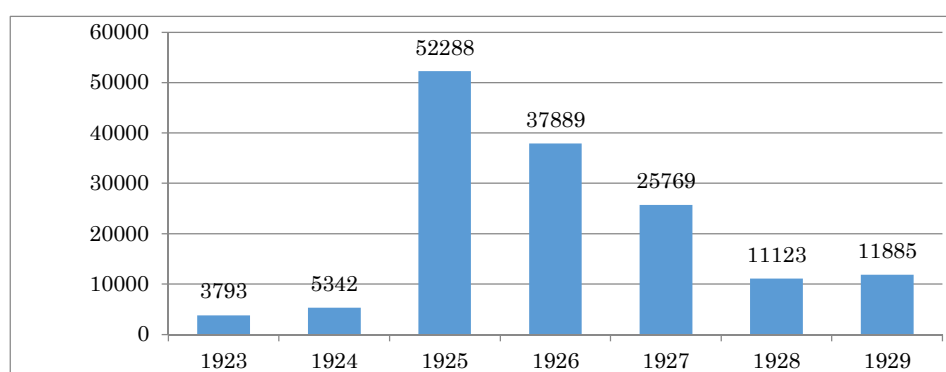
năm 1925, lợi nhuận năm 1929 của Công ty Đồn điền Đất Đỏ đã giảm tới 73%.

4. Một số nhận xét

Lịch sử phát triển đồn điền cao su ở Nam Kỳ (Việt Nam) và Campuchia gần

Biểu đồ 1: Lợi nhuận của Công ty Đồn điền Đất Đỏ giai đoạn 1923 - 1929

(Đơn vị: nghìn francs)



Nguồn: Les valeurs de la Société des Terres Rouges dans *Bulletin de l'Indochine économique et financière*, N° 2, le 26 octobre 1933, tr. 2 ; và N° 272, le 4 mars 1939, tr.11.

Trước năm 1925, lợi nhuận của Công ty Đồn điền Đất đỏ tương đối thấp và tăng không đáng kể, nhưng vào năm 1925, lợi nhuận của công ty này đạt con số khổng lồ 52,288 triệu francs, cao hơn lợi nhuận của công ty mẹ là Công ty Tài chính cao su, nhờ những diện tích cao su được trồng từ năm 1910 đã bước vào thời kỳ cho năng suất cao và sự tăng giá cao su trên thị trường thế giới. Từ năm 1927 trở đi, mặc dù diện tích đồn điền được mở rộng, tuy nhiên do diện tích mới trồng chưa được cạo mủ và sự hạ giá của cao su trên thị trường thế giới, nên lợi nhuận thu được của Công ty Đồn điền Đất Đỏ có xu hướng giảm, nhưng vẫn ở mức cao, đạt gần 38 triệu francs năm 1926 và gần 26 triệu francs năm 1927. Từ năm 1928, đặc biệt là năm 1929 dưới tác động của cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới, giá cao su lao dốc, khiến lợi nhuận của công ty này giảm xuống chỉ còn 11 triệu francs. So với

liên với công cuộc thực dân hóa của Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là sự đầu tư vốn của tư bản và các tập đoàn tài chính, ngân hàng chính quốc nhằm cung cấp nguyên liệu cho nền công nghiệp Pháp và làm giàu cho tư bản thực dân. Công ty Tài chính cao su là công ty chính quốc - một liên minh tài chính quốc tế đầu tiên đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương, từ năm 1910. Tuy nhiên, việc tăng cường đầu tư vốn, mở rộng quy mô khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương của công ty này chỉ thực sự bắt đầu từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất do sức hút lợi nhuận từ việc giá cao su tăng nhanh trên thị trường thế giới và sự mất giá của đồng francs.

Cùng với các chính sách khuyến khích của chính quyền thuộc địa, sự đầu tư vốn của các công ty tài chính Pháp nói chung, Công ty Tài chính cao su nói riêng là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy

sự phát triển nhanh chóng diện tích đồn điền cao su ở Đông Dương, nhất là từ năm 1925. Trồng thử nghiệm thành công vào năm 1897, nhưng trong những năm cuối thế kỷ XIX và hai thập niên đầu thế kỷ XX, lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương phát triển khá chậm chạp do thiếu động lực về tài chính từ chính quốc. Từ năm 1897 đến năm 1925, trong 28 năm ở Nam Kỳ, diện tích cao su trồng được chỉ đạt 27.997 ha, trung bình mỗi năm trồng được gần 1.000 ha. Ở Campuchia, từ năm 1897 đến năm 1925, chỉ có 5.721 ha cao su được trồng. Từ năm 1925 trở đi, nhờ sự đầu tư vốn của các công ty tài chính, ngân hàng chính quốc, trong đó có sự hiện diện của Công ty Tài chính cao su, diện tích cao su ở Nam Kỳ tăng không ngừng. Từ năm 1926 đến năm 1931, trong 5 năm, diện tích cao su trồng được ở Nam Kỳ đạt 50.404 ha, trung bình mỗi năm trồng được 10.080 ha. Đặc biệt, năm 1926 trồng được 11.250 ha, năm 1927 tăng lên 13.541 ha. Trong cùng giai đoạn này, ở Campuchia trồng được 16.573 ha cao su, trung bình mỗi năm trồng được 3.314,6 ha (45), trong khi đó giai đoạn 1897 - 1925, diện tích cao su được trồng trung bình hằng năm ở Campuchia chỉ là 204,3 ha.

Tính đến năm 1936, trên toàn lãnh thổ Đông Dương có 127.146,9 ha cao su: 98.168 ha ở Nam Kỳ, 27.265,7 ha ở Campuchia và 1.678,88 ở Nam Trung Kỳ. Phần lớn diện tích này được trồng trong giai đoạn 1926 - 1931, nhờ sự đầu tư ồ ạt về vốn, công nghệ của các công ty tài chính, ngân hàng đến từ chính quốc, trong đó có Công ty Tài chính cao su. Diện tích cao su trồng trong giai đoạn này chiếm hơn 60% ở Nam Kỳ, đặc biệt chiếm 78% ở Campuchia.

Các công ty tài chính, ngân hàng Pháp chính là động lực, trụ cột đối với sự phát triển đồn điền cao su ở Đông Dương nhờ

sức mạnh về vốn. Nhờ tiềm lực tài chính hùng mạnh, các công ty này đã thuê mua nhiều khu đất nhượng rộng lớn, màu mỡ để thiết lập các đại đồn cao su ở Nam Kỳ và Campuchia. Vào năm 1930, năm nhóm tài chính, ngân hàng và công nghiệp chính quốc chỉ sở hữu 32 đồn điền, nhưng có diện tích 51.325 ha cao su, chiếm 53% tổng diện tích cao su và 57% sản lượng cao su ở Nam Kỳ (46).

Nếu coi các công ty tài chính, ngân hàng chính quốc là những “gã khổng lồ” trong lĩnh vực khai thác đồn điền cao su ở Đông Dương, thì Công ty Tài chính cao su là gã khổng lồ lớn nhất. Vào năm 1930, ở Nam Kỳ, công ty này sở hữu 15 trên tổng số 32 đồn điền thuộc về các công ty chính quốc (chiếm 46,8%), 40.254 ha trên tổng số 221.708 ha đồn điền (chiếm 18,2%), 17.981 ha trên tổng số 96.821 ha cao su được trồng (chiếm 18,6%), sản lượng đạt 2.574,8 tấn trên tổng số 8.000 tấn cao su (chiếm 32%). So với toàn bộ Đông Dương, năm 1930, Công ty Tài chính cao su chiếm 33% tổng diện tích cao su và 29% tổng sản lượng cao su của toàn Đông Dương (47).

Sự phát triển nhanh chóng diện tích cao su ở Đông Dương từ sự đầu tư vốn của Công ty Tài chính cao su nói riêng và các công ty chính quốc nói chung đã khiến nhu cầu lao động ở Nam Kỳ và Campuchia ngày càng tăng. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy làn sóng di cư lao động mạnh từ Trung Kỳ và Bắc Kỳ tới Nam Kỳ và Campuchia. Tới năm 1936, đã có khoảng 100.000 lao động được tuyển mộ ở Bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ đưa tới Nam Kỳ và Campuchia. Làn sóng di cư lao động này đã góp phần giải quyết tình trạng quá tải dân số ở miền Bắc Đông Dương, đặc biệt ở đồng bằng Bắc Kỳ và thiếu hụt lao động ở miền Nam Đông Dương, nhất là ở miền Đông Nam Kỳ.

Với tiềm lực mạnh về tài chính, các Công ty tài chính, ngân hàng chính quốc còn đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa kỹ nghệ sản xuất trên các đồn điền cao su ở Nam Kỳ và Campuchia. Trên các đồn điền lớn, các công ty này đã cho xây dựng một số nhà máy chế biến mủ cao su với những máy móc và kỹ thuật hiện đại được nhập từ châu Âu, góp phần làm gia tăng chất lượng sản phẩm và giá trị xuất khẩu của cao su trên thị trường thế giới. Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông trong các vùng khai thác đồn điền cao su cũng được đầu tư xây dựng, có vai trò quan trọng kết nối các khu vực đồn điền và giữa khu vực đồn điền với trung tâm hành chính, đặc biệt là với cảng Sài Gòn để phục vụ sản xuất và xuất khẩu cao su ra thị trường thế giới.

5. Kết luận

Trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, Nam Kỳ và Campuchia là hai vùng khai thác đồn điền cao su lớn nhất do những điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi, đặc biệt là nhờ sự đầu tư của tư bản tư nhân và các công ty đến từ chính quốc Pháp. Tuy nhiên, động lực thực sự quan trọng nhất cho sự phát triển đồn điền ở Đông Dương là các công ty tài chính, ngân hàng đến từ chính quốc Pháp. Trong số này, Công ty Tài chính cao su - một liên minh tài chính Pháp - Bỉ là công ty đi tiên phong và đóng vai trò quan trọng nhất. Nó được đánh giá là “một ông vua thực sự ở Đông Dương” trong lĩnh vực khai thác đồn điền cao su (48).

Sự đầu tư của Công ty Tài chính cao su nói riêng và các công ty tài chính, ngân hàng Pháp góp phần quan trọng vào công cuộc thực dân hóa nông nghiệp của Pháp ở Đông Dương, đưa Đông Dương trở thành một trong bốn trung tâm sản xuất và xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới, sau Malaysia, Sri Lanka thuộc Anh và Indonesia thuộc Hà Lan. Từ thực tế đó có thể thấy rằng, vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Do vậy, các nước, trong đó có Việt Nam, cần tạo cơ chế thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế, tạo cơ hội việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng đồn điền cao su do sự đầu tư của các công ty tài chính, ngân hàng của Pháp cũng gây ra những hệ lụy đối với kinh tế và xã hội Đông Dương. *Thứ nhất*, quá trình thiết lập, mở rộng đồn điền cao su luôn đi kèm với quá trình cướp đất của tư bản Pháp. Hoạt động này gây ra tình trạng mất đất của người dân bản xứ, khiến cuộc sống của người nông dân thêm cùng cực. *Thứ hai*, quá trình khai thác đồn điền cao su ở Nam Kỳ và Campuchia đi cùng với quá trình di cư lao động cưỡng bức của chính quyền và tư bản Pháp. Lao động người bản xứ bị bóc lột, đánh đập, giết hại một cách tàn nhẫn. Lợi nhuận và sự giàu có của các công ty đồn điền của Pháp dựa trên sự bóc lột tàn bạo đối với hàng chục nghìn lao động Việt Nam và Campuchia.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Hải Trưng, *Địa ngục cao su*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955.

(2). Nguyễn Phong, *Tư bản Pháp và vấn đề cao su ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1963.

(3). Đặng Văn Vinh, *Một trăm năm cao su Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp TP Hồ Chí Minh, 2000.

(4). Nguyễn Danh Tiên (Chủ biên), *Lịch sử cao su Việt Nam, tập 1, 1897-1975*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.

(5), (48). Marianne Boucheret, *Les plantations d'hévéas en Indochine (1897-1954)* (Thèse de doctorat d'histoire, présentée et soutenue à l'Université Paris I Panthéon-Sorbonne), 2008, tr.180-192.

(6). Éric Panthou, *Les plantations Michelin au Vietnam*, édition La Galipote, 2013.

(7), (42). Marc Meuleau, *Des pionniers en Extrême-Orient: Histoire de la Banque de l'Indochine 1875-1975*, Librairie Arthème Fayard, Paris, 1990, tr.350.

(8). Jean Pierre Aumiphin, *La présence financière et économique Française en Indochine (1859-1939)*, Maison des Statiques du Viet Nam, 1996.

(9). Năm 1876, chính quyền Anh trồng thử nghiệm những cây cao su đầu tiên ở Malaysia. Năm 1897, chính quyền Pháp trồng thử nghiệm thành công giống cao su Brasil ở Nam Kỳ.

(10). J. Bouault, *Géographie de l'indochine*, Tome III, La Cochinchine, Imprimerie Extrême-Orient Ha Noi, Hai Phong, 1930, tr.62.

(11). Ministère des Colonies, *La Cochinchine 1931*, Saigon, 1931, tr.5.

(12). Institut international d'Agriculture, *Production et commerce du caoutchouc dans le monde: aspect économique et techniques (1935-1939)*, Rome, 1944, tr.4.

(13). William Hausser, *Le caoutchouc*, rapport à la Conférence du Commerce colonial, le 18-20 mai 1933, organisée par le Comité des Conseillers du Commerce extérieur de la France, Paris, tr.15.

(14). Arnaud de Vogue 1993), *Ainsi vint au monde la SIPH: 1905-1939*, Imprimerie S. Gourci, Vichères, 1993, tr.95, tr.101.

(15). Charles Robequain, *L'évolution économique de l'Indochine française*, Paul Hartmann-éditeur, Paris, 1939, tr.181-183

(16). Rapport de Mathieu concernant la situation des planteurs d'arbres à caoutchouc dans

Gouvernement général de l'Indochine, *Recueil des procès-verbaux des séances plénières du grand Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine: Session ordinaire de 1930*, Imprimerie Minsang, Hanoi, 1931, tr.33.

(17). Le Capitaliste, 25 décembre 1909.

(18), (41). Pierre Brocheux, Daniel Hémy, *Indochine: La Colonisation ambigu 1858-1954*, édition la Découverte, Paris, 2001, tr.164.

(19). Les Annales coloniales, 3 février 1912.

(20). La Cote de la Bourse et de la banque, 5 février 1923 hoặc Le Journal des finances, 9 février 1923.

(21). La Société financière des Caoutchoucs, *Le Monde illustré*, en date du 3 décembre 1921, Imprimerie E. DESFOSES, tr. 891.

(22). Adrien Hallet sinh ngày 13 tháng 5 năm 1867 tại Philippeville (Bỉ). Sau khi lấy bằng kỹ sư nông nghiệp và làm việc trong các cơ quan chuyên môn của Bỉ, năm 1889, Hallet được cử đến Công Gô thuộc Bỉ để phát triển việc trồng trọt và chăn nuôi gia súc. Năm 1894, ông rời Công Gô trở về Bỉ và cho thành lập Công ty Van de Vinne, tiếp đó là Công ty Belgika. Từ năm 1905, ông bắt đầu quan tâm tới việc khai thác các đồn điền cao su ở Viễn Đông, đặc biệt trên bán đảo Malacca và đảo Sumatra. Năm 1907, Hallet trở thành thành viên Hội đồng quản trị của nhiều công ty đồn điền cao su tại đây.

(23). Adrien Hallet, *Bulletin de la Société royale de Géographie d'Anvers*, fascicule 1 et 2, 1908, Imprimerie J. Van Hille-De Backe, tr.444.

(24), (36). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2 Việt Nam, CANV2/GOUCOCH/54/65009, *Liste des plantations d'hévéa de plus de 50 hectares exploitées en Cochinchine en 1939*.

(25). Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine, *Annuaire du Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine 1931*, Lyon, 1931, tr.29, 92.

- (26). Compagnie des Caoutchoucs de Padang, *L'information économique et financière d'Indochine*, N0 9, samedi 11 août 1934, tr.2.
- (27). Claude Malon, *Le Havre colonial de 1880 à 1960*, Mont-Saint-Aignan, Caen, 2006, tr.254.
- (28), (29). La fusion Padang-Terres Rouges, *Le journal des Finances*, N0 75, le 7 novembre 1924, tr.5.
- (30). Société des Plantations des Terres Rouges, *L'Information économique et financière d'Indochine*, N0 288, samedi 17 juin 1939. Tr.20.
- (31). Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp, ANOM/INDO/GGI/L41/666977, *Préparation de l'annuaire économique de l'Indochine : Renseignements financiers, techniques et commerciaux, et les entreprises agricoles, industrielles françaises, indigènes et étrangères en Annam et en Cochinchine (1924-1926)*.
- (32). Compagnie du Cambodge, *Les annales coloniales*, le 31 décembre 1924, tr.6.
- (33). Compagnie du Cambodge, *Les annales coloniales*, le 4 avril 1922, tr.2.
- (34). Fernand de Montaignut, *La colonisation française dans l'Est de la Cochinchine*, Imprimerie commerciale Perrette, Limoges, 1929, tr.120.
- (35). André Crémazy, Bazé William, *L'hévéaculture en Indochine*, émile Larose, Librairie éditeur, Paris, 1927, tr.19.
- (37). Plantation d'Anloc, *L'information économique et financière de l'Indochine*, N° 39, 2 août 1934, tr.2.
- (38). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1 Việt Nam, CAVN1/DFI/N54/16383, *Avances des prêts accordés aux planteurs d'hévéas pour l'entretien de leurs plantations en Indochine pour 1931*.
- (39). Compagnie des Caoutchoucs du Mékong, *Le journal des Finances*, N° 3 le 21 janvier 1927, tr. 61.
- (40). Kham Vorapheth, *Commerce et colonisation en Indochine 1860-1945*, Les Indes Savantes, Paris 2004, tr.300.
- (43). Bulletin financier et économique de l'Indochine, 24 juillet 1925.
- (44). La Journée industrielle, 25 juin 1926.
- (45). Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp, ANOM/INDO/GGI/N54.1/SE2235, *Renouvellement pour cinq ans du plan international de restriction (1937-1940)*.
- (46). Năm 1930, ở Nam Kỳ, có 536 đồn điền cao su, diện tích trồng là 96.812 ha, sản lượng đạt 8.162 tấn. Năm nhóm tài chính, ngân hàng và công nghiệp chính quốc đầu tư vào khai thác đồn điền cao su ở Nam Kỳ gồm: Công ty Tài chính cao su, Công ty Tài chính Pháp và Thuộc địa, Công ty Thương mại và Giao thông thủy Viễn Đông, Công ty Michelin và Công ty Thương mại - Nông nghiệp - Tài chính Đông Dương.
- (47). Năm 1930, trên toàn lãnh thổ Đông Dương có tổng cộng 559 đồn điền cao su (536 đồn điền ở Nam Kỳ, 8 đồn điền ở Trung Kỳ, 15 đồn điền ở Campuchia), với tổng diện tích 311,5 ha, trong đó có 126.653 ha đã trồng cao su, sản lượng đạt 8.629,7 tấn (8.126,2 tấn ở Nam Kỳ, 121 tấn ở Trung Kỳ, 346,5 tấn ở Campuchia), xem Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine, *Annuaire du Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l'Indochine 1931*, Lyon, 1931, tr.29, 92, 33.